HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 48 /NQ-HĐND	*Bắc Kạn, ngày 09 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm 2021-2025; Báo cáo số 643/BC-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh 5 năm 2016-2020; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản tán thành kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm 2016-2020 của tỉnh với những nội dung chủ yếu sau:

Trong 5 năm qua, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 29/4/2016 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm 2016-2020, các cấp, các ngành đã tập trung thực hiện 04 chương trình trọng tâm của tỉnh; triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; tích cực triển khai các chính sách, chương trình phát triển kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh; chú trọng cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và tổ chức bộ máy; tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu. Qua đó, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế (*tốc độ tăng tổng sản phẩm GRDP theo giá so sánh năm 2010*) đạt 5,3%/năm. Tổng giá trị gia tăng theo giá hiện hành đến năm 2020 đạt 12.829 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 40,4 triệu đồng. Sản xuất nông nghiệp có chuyển biến rõ rệt theo hướng sản xuất hàng hóa, chú trọng nâng cao chất lượng, giá trị các sản phẩm thông qua chế biến, hoàn thiện tiêu chuẩn các mẫu mã sản phẩm. Lĩnh vực an sinh xã hội được đảm bảo, tỷ lệ hộ nghèo dự kiến còn hơn 17%, cả tỉnh có 23 xã đạt chuẩn nông thôn mới, các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện, an sinh xã hội được đảm bảo. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách chưa đạt kế hoạch đề ra; các ngành kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhiều cơ sở sản xuất của tỉnh hoạt động thiếu ổn định; thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là hai năm 2019-2020 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế và đời sống của nhân dân.

Điều 2. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu 5 năm 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát: Khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh, huy động có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Tập trung phát triển, nâng cao giá trị kinh tế trong sản xuất nông - lâm nghiệp, từng bước phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hoá. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, nhất là chế biến nông, lâm sản. Xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông để phát triển du lịch và dịch vụ. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là khu vực nông thôn, chú trọng giảm nghèo nhanh và bền vững. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

a) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hằng năm đạt 6,5 - 7,0%/năm, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp tăng 3,5%/năm; khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 9,6 - 9,8%/năm (*Công nghiệp tăng 12,8 - 13%/năm; xây dựng tăng 7,5%/năm*); khu vực dịch vụ tăng 7,0%/năm.

b) Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế: Khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm 26,2%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 18,5%; khu vực dịch vụ chiếm 53%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 2,3%.

c) GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 62 triệu đồng.

d) Sản lượng lương thực bình quân đầu người duy trì 500 kg/người/năm; diện tích trồng rừng bình quân/năm đạt 3.500 ha; duy trì tỷ lệ che phủ rừng 72,9%.

đ) Xây dựng thành phố Bắc Kạn phấn đấu đến năm 2025 cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II; cả tỉnh có 56 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Trong đó có 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 174 thôn đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt trên 13 tiêu chí. Cả tỉnh có thêm 150 hợp tác xã được thành lập mới.

e) Đến năm 2025 có 200 sản phẩm OCOP đạt 3 - 4 sao; trong đó có 2 sản phẩm đạt 5 sao.

g) Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Tập trung hoàn thành đường quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn và đường từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là khai thác du lịch Hồ Ba Bể.

h) Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia 98,5%; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 98,5%, trong đó 50% được sử dụng nước sạch.

i) Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đạt tiêu chuẩn tại đô thị là 92% và 40% đối với nông thôn.

k) Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 1.100 tỷ đồng. Tỷ lệ huy động GRDP vào ngân sách đạt 5,2 - 5,3%.

l) Tốc độ tăng trưởng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ bình quân đạt 11,5%/năm; đến năm 2025 đạt 11.200 tỷ đồng; xuất, nhập khẩu tăng trưởng bình quân 10%/năm. Phấn đấu đến năm 2025, di sản Ba Bể - Na Hang được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc *(UNESCO)* công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

m) Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm đạt trên 90%; số trường chuẩn quốc gia tăng thêm 60 trường.

n) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (*thể cân nặng theo tuổi*) dưới 17%; duy trì tỷ lệ trên 17 bác sĩ/1 vạn dân; 100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên 98%.

o) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%; giải quyết việc làm cho 6.400 lao động/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm 2 - 2,5%, tỉ lệ hộ nghèo tại huyện nghèo giảm 3,5 - 4% trở lên.

p) Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 88%, khu dân cư văn hoá đạt 86%; 100% xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt.

q) Hằng năm, phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu, kế hoạch về tuyển quân; giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; diễn tập chiến đấu phòng thủ hoặc phòng thủ dân sự xã, phường, thị trấn; động viên quân nhân dự bị và và đảm bảo phương tiện kỹ thuật theo yêu cầu.

r) Phấn đấu tiếp nhận, xử lý 100% tin báo, tố giác tội phạm; tỷ lệ điều tra khám phá án hằng năm đạt từ 80% trở lên; phấn đấu hằng năm giảm từ 5% trở lên số vụ tội phạm về trật tự xã hội; kiềm chế sự gia tăng tiến tới giảm tai nạn giao thông.

s) Phấn đấu đến năm 2025, 100% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm; 100% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh theo mức độ 4 đạt 90% trở lên.

t) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh phấn đấu bình quân tăng ít nhất 01 bậc/năm.

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Tập trung thực hiện các giải pháp tại Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025; tập trung 04 chương trình trọng tâm.

a) Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác cán bộ theo phương châm tận tâm với công việc, tâm huyết với quê hương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới. Triển khai thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ gắn với đề án vị trí việc làm; tiếp tục rà soát đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch và thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra thanh tra công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm, hiệu quả và thực chất chính sách tinh giản biên chế. Xây dựng Đề án đào tạo đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có năng lực, tâm huyết cho hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh. Thực hiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh *(PCI)*, chỉ số cải cách hành chính *(PARINDEX)*. Triển khai xây dựng nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 5 năm *(2020-2025)* và 10 năm (*2020-2030)* của tỉnh trên cả 6 lĩnh vực. Xây dựng và thực hiện Bộ tiêu chí Chỉ số cải cách hành chính và Bộ tiêu chí chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cấp xã theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đúng quy định pháp luật. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, khắc phục các chỉ số thành phần thấp điểm, giảm điểm và duy trì, cải thiện các chỉ số thành phần ở mức cao và tăng điểm. Thực hiện kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành *(DDCI)*. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành và thực thi văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh về các chính sách ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng có hiệu quả nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng liên kết sản xuất và nâng cao chuỗi giá trị để tăng thu nhập cho dân cư khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020-2025 dựa trên phát triển chuỗi giá trị của các ngành hàng có lợi thế; khai thác lợi thế của địa phương phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái. Ban hành các kế hoạch thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tăng năng suất, chất lượng, mở rộng vùng nguyên liệu, sản xuất hàng hóa tập trung, tạo ra sản phẩm sạch và an toàn đáp ứng nhu cầu thị trường. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu giá trị ngành nông nghiệp đến năm 2025, lấy lâm nghiệp, chế biến gỗ và dược liệu là trọng tâm để phát triển kinh tế nông lâm nghiệp của tỉnh.

d) Tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch và công nghiệp trở thành ngành mũi nhọn, trọng tâm là du lịch hồ Ba Bể. Hoàn thiện khu công nghiệp, phát triển các cụm công nghiệp với trọng tâm là công nghiệp chế biến nông, lâm sản và một số ngành có lợi thế của địa phương. Xây dựng và thực hiện tốt Đề án thu hút đầu tư phát triển hạ tầng du lịch và công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh với mục tiêu đưa du lịch và công nghiệp chế biến thành ngành kinh tế trọng tâm của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các chính sách về đầu tư phát triển du lịch và công nghiệp, phát triển khu, cụm công nghiệp về kết cấu hạ tầng, đường giao thông, điện,... và các vấn đề văn hóa - xã hội phục vụ công nhân lao động. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại các khu, cụm công nghiệp; các di tích, danh lam thắng cảnh; xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi, có tính kết nối vùng trong tỉnh và tỉnh với các vùng trong cả nước. Triển khai đầu tư hạ tầng du lịch, hạ tầng công nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn 2021-2025. Triển khai đầu tư hệ thống đường giao thông thực hiện kết nối vùng, địa phương để tạo điều kiện thu hút, phát triển công nghiệp, du lịch: Tuyến đường QL 3 mới, đường Chợ Mới – Bắc Kạn; tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể; dự án hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể; dự án tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể.

2. Phát triển kinh tế

a) Phát triển nông, lâm nghiệp dựa trên phát triển chuỗi giá trị của các ngành hàng có lợi thế, các sản phẩm bản địa, sản phẩm chủ lực, OCOP,... phù hợp với cơ chế thị trường và điều kiện của từng địa phương. Chỉ đạo sản xuất theo hướng đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng một số cây trồng đang là thế mạnh của địa phương theo hướng sản xuất hàng hoá, quảng bá thương hiệu tạo đầu ra cho các sản phẩm gạo, cam quýt, hồng không hạt...Triển khai xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, hoa tại thành phố Bắc Kạn, các huyện Bạch Thông, Chợ Mới. Phát triển đàn vật nuôi theo hướng chăn nuôi tập trung tại các gia trại, trang trại, chăn nuôi an toàn sinh học gắn với bảo vệ môi trường trong chăn nuôi và an toàn dịch bệnh. Đẩy mạnh công tác trồng rừng, đảm bảo về chất lượng, hiệu quả; khuyến khích các doanh nghiệp, hộ nông dân đầu tư phát triển rừng sản xuất, trồng rừng phòng hộ kết hợp với kinh tế, gắn với chế biến và kết nối thị trường tiêu thụ. Huy động các thành phần kinh tế tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân; nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu trong xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện chương trình. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nội dung trọng tâm của Chương trình. Tăng cường huy động các nguồn lực và người dân tham gia thực hiện chương trình.

b) Phát triển công nghiệp với trọng tâm là công nghiệp chế biến nông lâm sản, đẩy mạnh thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp. Đầu tư, hỗ trợ triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp để thu hút các dự án đầu tư cho

phát triển công nghiệp. Đến năm 2025 hoàn thành Dự án xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình - giai đoạn II, đưa vào sử dụng và đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật ít nhất 02 cụm công nghiệp; thu hút một số dự án mới đầu tư chế biến nông, lâm sản, dược liệu, công nghiệp hỗ trợ.... vào KCN Thanh Bình giai đoạn II và vào các cụm công nghiệp.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 gắn với thực hiện 04 chương trình trọng tâm của tỉnh và các mục tiêu phát triển 5 năm 2021-2025 được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua. Phấn đấu giai đoạn 2021-2025 tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2016-2020, trong đó tăng cường huy động nguồn vốn ngoài nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ngân sách nhà nước. Vốn đầu tư công tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng của tỉnh, thực hiện các dự án có tính kết nối vùng; tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các vùng miền núi, vùng khó khăn.

d) Phát triển thị trường nhằm thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá; tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành chức năng và địa phương trong việc phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ. Đổi mới và tăng cường thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại; kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại.

Phát triển du lịch gắn với giữ gìn, phát huy, bảo tồn các giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc, nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất - tinh thần cho nhân dân. Phát triển khu du lịch Ba Bể thành khu du lịch quốc gia và phát triển không gian du lịch theo đặc trưng riêng 4 cụm du lịch: Cụm du lịch thành phố Bắc Kạn và phụ cận, cụm du lịch ATK Chợ Đồn và phụ cận, cụm du lịch Na Rì và phụ cận, cụm du lịch Ba Bể và phụ cận.

đ) Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh *(PCI)* để cải thiện vị trí trên bảng xếp hạng PCI; phấn đấu đến năm 2025, PCI của tỉnh nằm trong nhóm "khá". Tăng cường nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tăng cường xúc tiến thương mại, tích cực kết nối, liên kết để mở rộng thị trường đầu ra. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục tổ chức triển khai và hướng dẫn các doanh nghiệp nhà nước thực hiện thoái vốn nhà nước, tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành.

Tăng cường tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và nhân dân về bản chất của kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới. Hướng dẫn các hợp tác xã và người dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể. Xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

e) Thực hiện tốt công tác quản lý thu, chi ngân sách trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp quản lý thuế; rà soát các khoản thu, tránh nợ đọng, thất

thoát nguồn thu. Tiếp tục thực hiện đề án ấn định thuế. Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn.

3. Phát triển văn hóa, xã hội

a) Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách đối với người có công với cách mạng. Tập trung thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chú trọng triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Đảm bảo triển khai thực hiện tốt quyền trẻ em, các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

b) Đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Phát triển hệ thống cảnh báo sớm, đáp ứng nhanh, chủ động giám sát dịch tễ, khống chế dịch bệnh kịp thời, không để dịch lớn xảy ra. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; từng bước phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh từ tỉnh đến huyện. Duy trì và phát huy có hiệu quả hoạt động các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

c) Tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo các ngành học, bậc học; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Thực hiện tốt quy hoạch mạng lưới trường, lớp gắn với thực hiện đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, theo hướng kiên cố hóa và xây dựng trường chuẩn quốc gia theo lộ trình. Quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú; nghiên cứu cứu xây dựng chính sách hỗ trợ học bổng cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

d) Tăng cường tính công khai minh bạch thông tin, phát huy mạnh mẽ vai trò của thông tin cơ sở; đảm bảo quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục hoàn thiện nhằm xây dựng Chính quyền số, kinh tế số; tập trung xây dựng công dân điện tử.

đ) Triển khai thực hiện Đề án lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa trong bảo tồn, phát huy giá trị của di tích lịch sử văn hóa. Hỗ trợ đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc gắn với phát triển du lịch bền vững tại địa phương. Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng góp phần nâng cao đời sống văn hóa, sức

khỏe, tình đoàn kết trong cộng đồng dân cư; xây dựng cơ sở vật chất phục vụ thể dục thể thao.

e) Thực hiện tốt các chương trình, dự án, các chính sách dân tộc; triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển, đãi ngộ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Tạo điều kiện, hướng dẫn cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo pháp luật. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, các phần tử lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, gây mất ổn định tình hình an ninh, trật tự, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

4. Khoa học, công nghệ và tài nguyên môi trường

a) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng và chính quyền về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ ở cấp tỉnh và cấp cơ sở; nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật đất đai, tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững. Đẩy mạnh thực hiện việc đấu giá, đầu thầu các dự án có sử dụng đất. Tập trung thu hồi đất phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp để tạo quỹ đất, thúc đẩy đầu tư. Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai theo quy hoạch; tập trung xử lý dứt điểm khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai, tránh để xảy ra điểm nóng. Thực hiện việc khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định; thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo theo đúng quy định, trong đó ưu tiên các dự án khai thác gắn với chế biến sâu trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, nắm tình hình, kịp thời ngăn chặn các hành vi có liên quan đến khai thác khoáng sản trái phép.

5. Công tác nội chính

a) Nâng cao chất lượng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật *(QPPL)*; tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Từng bước sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; tiếp tục sáp nhập các thôn, tổ dân phố không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý, tăng tỷ lệ tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương. Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức. Đẩy mạnh việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị, nghị quyết của Chính phủ về tinh giản biên chế.

c) Tiếp tục thực hiện CCHC trên các lĩnh vực từ cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính *(TTHC)*; cải cách tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính. Trong đó, tập trung vào cải cách TTHC trong việc đơn giản hóa TTHC; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó trọng tâm là nâng cao năng lực, đạo đức, tác phong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới; hiện đại hóa hành chính, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với CCHC.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực; xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc tham nhũng; phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng để xử lý và chuyển cơ quan điều tra các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng. Thực hiện có hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chú trọng xem xét, giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo. Tập trung thực hiện kế hoạch kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài góp phần ổn định chính trị-xã hội.

6. Quốc phòng và an ninh

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 (*khóa XI*) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Bộ Chính trị (*khóa X*) về xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và quốc phòng và an ninh nhằm chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

b) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả, nhân rộng các mô hình quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua Vì an ninh Tổ quốc; chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện và giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh từ cơ sở, không để hình thành các tổ chức đối lập, các "*điểm nóng*". Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, quản lý chặt chẽ hoạt động xuất nhập cảnh, bảo vệ bí mật nhà nước; thực hiện các giải pháp giảm thiểu tai nạn giao thông.

7. Triển khai thực hiện lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với Quy hoạch vùng, Quy hoạch Quốc gia.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của chính quyền động viên cán bộ, chiến sĩ, nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá IX, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ, VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu *(UBTVQH);*
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (*Thành*) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Hoàng Thu Trang

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 48 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Trong đó:				
				KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
1	**Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân giai đoạn**	**%**	**6,5-7,0**	**5,8**	**6,2**	**6,5**	**6,9**	**7,1**
	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	3,5	3,5	3,5	3,5	3,5	3,5
	- Công nghiệp và xây dựng	%	9,6-9,8	7,6	8,7	8,9	10,7	11,5
	+ Công nghiệp	*%*	*12,8-13*	*8,7*	*10,7*	*11,3*	*15,5*	*17,0*
	+ Xây dựng	*%*	*7,5*	*7,0*	*7,5*	*7,5*	*7,6*	*7,8*
	- Dịch vụ	%	7,0	6,5	6,8	7,2	7,2	7,3
2	**Cơ cấu kinh tế năm cuối giai đoạn**							
	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	26,2	30,6	29,9	28,7	27,4	26,2
	- Công nghiệp và xây dựng	%	18,5	14,6	15,0	16,1	17,2	18,5
	- Dịch vụ	%	53,0	51,7	52,0	52,2	52,7	53,0
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp		2,3	3,1	3,1	3,0	2,7	2,3
3	**GRDP bình quân đầu người năm cuối giai đoạn**	triệu đồng	62,0	43,0	46,8	51,0	56,0	62,0
4	**Nông, lâm nghiệp**							
	- Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người/năm	kg	500	550	549	520	510	500
	- Diện tích trồng rừng bình quân	ha	3.500	3.570	3.500	3.500	3.500	3.430
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	72,9	72,9	72,9	72,9	72,9	72,9
5	**Đô thị - nông thôn**							
	- Xây dựng thành phố Bắc Kạn cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II		Tiêu chí đô thị loại II năm 2025					Tiêu chí đô thị loại II năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Trong đó:				
				KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	56	21	32	40	49	56
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	17	2	5	8	12	17
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã	6	0	1	2	4	6
	- Số thôn đạt chuẩn nông thôn mới	Thôn	174	99	119	139	159	174
	- Số tiêu chí nông thôn mới đạt được bình quân trên 01 xã	tiêu chí/xã	13	13	13,5	14	14,5	15
	- Số hợp tác xã thành lập mới	Xã	150	30	60	90	120	150
6	**Sản phẩm OCOP**							
	- Sản phẩm OCOP đạt 03 sao trở lên	Sản phẩm	200	148	155	170	185	200
	Trong đó sản phẩm đạt 5 sao	*Sản phẩm*	*2*	-	-	-	*1*	*2*
7	**Kết cấu hạ tầng giao thông**							
	- Hoàn thành đường quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn.		Hoàn thành					Hoàn thành
	- Hoàn thành đường từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể		Hoàn thành					Hoàn thành
8	**Điện lưới và vệ sinh**							
	- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	98,5	97,4	97,8	98	98,2	98,5
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	%	98,5	98,5	98,5	98,5	98,5	98,5
	Trong đó, được sử dụng nước sạch	*%*	*50*	*20*	*20*	*30*	*40*	*50*
9	**Môi trường**							

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Trong đó:				
				KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
	- Tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn	%	92,0	91,0	91,0	91,0	92,0	92,0
	- Tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn	%	40,0	38,0	38,0	39,0	40,0	40,0
10	**Thu ngân sách**							
	- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	tỷ đồng	1.100	732	810	910	1.010	1.100
	- Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với	%	5,2-5,3	5,3	5,3	5,3	5,3	5,3
11	**Về thương mại dịch vụ**							
	- Tốc độ tăng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ bình quân	%	11,5	11,5	11,5	11,5	11,5	11,5
	- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ	tỷ đồng	11.200	6.330	7.160	8.080	9.100	11.200
	- Tốc độ tăng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân	%	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0
	- Đến năm 2025, di sản Ba Bể - Na Hang được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới		Được công nhận					Được công nhận
12	**Giáo dục - đào tạo**							
	- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	%	>90	>90	>90	>90	>90	>90
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	60	8	12	12	14	14
13	**Y tế**							
	- Tỷ lệ tăng dân số	%	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể cân nặng theo tuổi)	%	<17	<17	<17	<17	<17	<17
	- Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân	bác sĩ	>17	≥ 17	≥ 17	≥ 17	≥ 17	>17

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Trong đó:				
				KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
	- Tỷ lệ số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	100,0	99,1	99,1	99,1	100,0	100,0
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	98,0	≥ 97,0	≥ 97,2	≥97,5	≥97,8	≥98
14	**Lao động - việc làm - giảm nghèo**							
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	50	46	47	48	49	50
	- Số lao động được tạo việc làm bình quân	Người	6.400	6.000	6.200	6.400	6.600	6.800
	- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân năm	%	2-2,5	2-2,5	2-2,5	2-2,5	2-2,5	2-2,5
	Trong đó: Tỷ lệ giảm nghèo tại các huyện nghèo 30a	%	3,5-4	3,5-4	3,5-4	3,5-4	3,5-4	3,5-4
15	**Văn hóa - thông tin**							
	- Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	88	88	88	88	88	88
	- Tỷ lệ khu dân cư văn hóa	%	86	86	86	86	86	86
	- Tỷ lệ xã, phường có trạm truyền thanh cơ sở hoạt động tốt	%	100,0	83,3	85,0	90,0	95,0	100,0
16	**Quốc phòng**							
	- Tỷ lệ tuyển quân hàng năm	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
	- Tỷ lệ bồi dưỡng kiến thức, quốc phòng an ninh hàng năm	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
	- Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, diễn tập chiến đấu trị an xã, phường, thị trấn	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
	- Chỉ tiêu động viên quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
17	**An ninh**							

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Trong đó:				
				KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
	- Tỷ lệ tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm	%	100	100	100	100	100	100
	- Tỷ lệ khám phá án hàng năm	%	>80	>80	>80	>80	>80	>80
	- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm hàng năm	%	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0
	- Giảm tai nạn giao thông		Giảm tai nạn giao thông	Kiềm chế, giảm tai nạn giao thông	Kiềm chế, giảm tai nạn giao thông	Kiềm chế, giảm tai nạn giao thông	Kiềm chế, giảm tai nạn giao thông	Kiềm chế, giảm tai nạn giao thông
18	**Cải cách hành chính**							
	- Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm	%	100	96	97	98	99	100
	- Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên	%	100	100	100	100	100	100
	- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh theo mức độ 4	%	90	80	80	90	90	90
	- Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI tăng bình quân hằng năm	Bậc	Bình quân tăng ít nhất 01 bậc/năm	01 bậc	01 bậc	01 bậc	01 bậc	01 bậc